

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HANOI IMPORT EXPORT TRADING AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HN .,ITC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108758134

**3. Ngày thành lập:** 31/05/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Thạch Bình, Xã Yên Bình, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984741392

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                             | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đúc sắt, thép                                                         | 2431(Chính) |
| 2.  | Đúc kim loại màu                                                      | 2432        |
| 3.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                          | 2592        |
| 4.  | Xây dựng nhà để ở                                                     | 4101        |
| 5.  | Xây dựng nhà không để ở                                               | 4102        |
| 6.  | Xây dựng công trình đường sắt                                         | 4211        |
| 7.  | Xây dựng công trình đường bộ                                          | 4212        |
| 8.  | Xây dựng công trình điện                                              | 4221        |
| 9.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                   | 4222        |
| 10. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                    | 4223        |
| 11. | Xây dựng công trình công ích khác                                     | 4229        |
| 12. | Xây dựng công trình thủy                                              | 4291        |
| 13. | Xây dựng công trình khai khoáng                                       | 4292        |
| 14. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                 | 4293        |
| 15. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                            | 4299        |
| 16. | Phá dỡ                                                                | 4311        |
| 17. | Chuẩn bị mặt bằng                                                     | 4312        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322        |
| 19. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                        | 4329        |
| 20. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                        | 4330        |
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                       | 4659        |
| 22. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan          | 4661        |

|     |                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                  | 4662 |
| 24. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                              | 4663 |
| 25. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                  | 5022 |
| 26. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                          | 5210 |
| 27. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                     | 5224 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                  | 5229 |
| 29. | Khai thác và thu gom than cứng                                                                                       | 0510 |
| 30. | Khai thác và thu gom than non                                                                                        | 0520 |
| 31. | Khai thác quặng sắt                                                                                                  | 0710 |
| 32. | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt                                                                         | 0722 |
| 33. | Khai thác quặng kim loại quý hiếm                                                                                    | 0730 |
| 34. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa | 8299 |
| 35. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                      | 0810 |
| 36. | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón                                                                         | 0891 |
| 37. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác                                                                            | 0990 |
| 38. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                       | 7730 |
| 39. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                            | 7729 |
| 40. | Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính                                                                               | 7740 |
| 41. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                  | 4651 |
| 42. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                   | 4652 |
| 43. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                               | 4653 |
| 44. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN CHUNG | Thôn Thạch Bình, Xã Yên Bình, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 1.100.000  | 11.000.000.000        | 55,000    | 001082022535                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 1.100.000  | 11.000.000.000        | 55,000    |                                                                                             |         |
| 2   | NGÔ QUÝ THANH    | Thôn Lập trí, Xã Minh Trí, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 500.000    | 5.000.000.000         | 25,000    | 12061477                                                                                    |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 500.000    | 5.000.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN VĂN GIÁP  | Thôn Lập trí, Xã Minh Trí, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 400.000    | 4.000.000.000         | 20,000    | 011591804                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 400.000    | 4.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN CHUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/10/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001082022535

Ngày cấp: 22/05/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thạch Bình, Xã Yên Bình, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Thạch Bình, Xã Yên Bình, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội